

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM ĐÔNG  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Minh Thước.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Tân.

2. Ông Nguyễn Thái Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Nhân Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 321/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 340/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: Tổ 1, thôn 2, xã H, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chỗ ở hiện nay: 15/01 đường A, phường BH, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Tổ 1, thôn 2, xã H, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Hoàng Anh K, sinh ngày 14/7/2013:* Bà Nguyễn Thị Sương - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 10 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Hoàng L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 02/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian được 05 năm. Đến năm 2017, thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng, do quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, anh L có thói quen hay đánh bạc, ăn nhậu, chửi bới, xúc phạm Chị N. Hai người đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không được nên vợ chồng đã sống ly thân, Chị N vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh L vẫn không thay đổi và không quan tâm gì đến cuộc sống của Chị N và cháu K. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đã khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng Anh K, sinh ngày 14/7/2013. Năm 2017, Chị N vào Thành phố Hồ Chí Minh sống, làm việc thì cháu K vào cùng với chị và đi học tại Thành phố Hồ Chí Minh cho đến bây giờ. Sau khi ly hôn Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu K đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) mà không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Hoàng L:*

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ngày 17/11/2022 tại Biên bản giao nhận tài liệu chúng cứ là Thông báo Thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số: 73/TB-TLVA ngày 02/11/2022 của Tòa án cho bị đơn anh Nguyễn Hoàng L thì anh L có ý kiến như sau: *“Tôi không nhận các văn bản trên do ông Trần Nhân Tài tổng đạt cho tôi, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật”*.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo số: 83/TB-TAND ngày 31/01/2023 về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Giấy triệu tập đương sự lúc 08 giờ 00 phút ngày 06/02/2023 nhưng bị đơn không đến làm việc. Theo kết quả tổng đạt của bưu điện cho bị đơn anh Nguyễn Hoàng L như sau: *“Người nhận từ chối”*.

Ngày 23/3/2023, Tòa án đã tiến hành xác minh sự có mặt của anh Nguyễn Hoàng L tại nơi cư trú Tổ 1, thôn 2, xã H, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả xác minh như sau: Anh L đã không còn sinh sống tại Tổ 1, thôn 2, xã H, huyện NĐ cách đây khoảng một tháng (vào khoảng tháng 02/2023) nhưng không thông báo cho địa phương và cũng không biết đi đâu.

*\* Bà Nguyễn Thị Sương - Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Hoàng Anh K trình bày:*

Trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Qua xác minh và nắm bắt nguyện vọng của cháu Nguyễn Hoàng Anh K thì hiện nay cháu K đang sống cùng với Chị N và đi học tại Thành phố Hồ Chí Minh, cuộc sống và việc học tập của cháu K đang rất ổn định. Trợ giúp viên pháp

lý đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu K cho Chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện chăm sóc cháu được tốt nhất.

*\* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14 Điều 3; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị N, chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng L.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Anh K, sinh ngày 14/7/2013 cho Chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*\* Về thủ tục tố tụng:*

[1] Chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng L có nơi cư trú tại: Tổ 1, thôn 2, xã H, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Chị Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Chị N là đúng quy định pháp luật.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án và tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Hoàng L thì anh L vẫn đang có mặt tại nơi cư trú

nhưng cố tình không tiếp nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh L không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên tòa, ngày 08/5/2023 anh L vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 24 tháng 5 năm 2023 nhưng anh L vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hoàng L .

\* Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Hoàng L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 02/5/2012. Hôn nhân của Chị N và anh L là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống do mâu thuẫn vợ chồng, tính tình không hòa hợp nên Chị N đã quyết định sống ly thân từ năm 2017 đến nay, quá trình làm việc tại Tòa án chị kiên quyết xin được ly hôn và không yêu cầu đoàn tụ vợ chồng vì tình cảm không còn. Đối với anh L được Tòa án tổng đạt trực tiếp, đồng thời niêm yết tại nơi cư trú các văn bản tố tụng nhưng anh L từ chối nhận văn bản và cũng không đến tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Như vậy, anh L đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điều này thể hiện anh L không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy, tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N. Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Hoàng L.

[5] Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Hoàng L có một người con chung tên là Nguyễn Hoàng Anh K, sinh ngày 14/7/2013. Hiện nay, cháu K đang sống và học tập tại Thành phố Hồ Chí Minh cùng Chị N từ năm 2017 cho đến nay. Chị N có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu Nguyễn Hoàng Anh K đang độ tuổi phát triển về tâm sinh lý, việc sinh hoạt và học tập đều do Chị N trực tiếp chăm sóc, mọi điều kiện phát triển cho cháu K đều đảm bảo, ổn định, cháu Nguyễn Hoàng Anh K cũng có nguyện vọng sống cùng Chị N. Trong khi đó, anh L hiện nay đã đi khỏi nơi cư trú và không thông báo cho chính quyền địa phương biết là đi đâu. Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu K cho Chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đảm bảo quyền lợi chính đáng của cháu K theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Chị N trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Đối với anh Nguyễn Hoàng L, nếu sau này anh L có căn cứ chứng minh giữa anh L và Chị N có tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung thì anh L có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông; quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý có căn cứ pháp luật nên cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị N. Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Anh K, sinh ngày 14/7/2013 cho chị Phạm Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Nguyễn Hoàng Anh K đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hoàng L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Hoàng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002632 ngày 01/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị N đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Hoàng L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ****Hồ Minh Thợc**